

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **43/2026/DS-PT**

Ngày: 23 – 01 – 2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2025/TLPT-DS ngày 10/11/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2025/DS-ST ngày 25/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 433/2025/QĐXX-PT ngày 02/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 410/2025/QĐ-HPT ngày 30/12/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1957 (có mặt); Địa chỉ: Số 05 T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị D, sinh năm 1952 (có mặt); Địa chỉ: Số nhà 19, Thôn 2, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Ngọc N2 (có mặt) – Văn phòng luật sư Ngọc N2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 57, đường A5, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Trần Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:**

Bà N1 có mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị D. Bà N1 nhiều lần cho bà D mượn tiền. Cụ thể:

Ngày 22/5/2022 bà D mượn 30.000.000 đồng, hạn 1 tháng

Ngày 25/6/2022 bà D mượn 150.000.000 đồng, hạn trong 10 ngày trả.

Ngày 28/6/2022 bà D mượn thêm 50.000.000 đồng.

Ngày 25/01/2023 bà D mượn 41.400.000 đồng, hạn ngày 05/02/2023 trả.

Tổng số tiền bà D mượn của bà N1 04 lần là 271.400.000 đồng.

Khi vay bà D có thể chấp cho bà N1 một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trần Thị D số BB 221922, tọa lạc tại thôn 2, xã C, thành phố B. Khi vay bà D và bà N1 thỏa thuận lãi suất miệng, tính theo quy định của pháp luật.

Bà N1 đã yêu cầu bà D trả tiền nhiều lần nhưng bà D không trả cho bà N1. Do đó bà N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả lại tổng số tiền nợ gốc là 271.400.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm theo các giấy vay tiền, lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật.

Bà D không có chồng, khoản vay này bà N1 xác định là khoản nợ riêng của bà và bà D, không liên quan đến ai.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị D trình bày:*** Tôi có vay của bà N1 tổng cộng 230.000.000 đồng. Tuy nhiên, tôi đã trả đủ tiền nợ gốc và tiền lãi. Cụ thể:

- Đối với khoản vay 200.000.000 đồng: Từ ngày 26/7/2022 đến ngày 27/10/2022 tôi đã trả 48.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 6%/tháng.

- Đối với khoản vay 30.000.000 đồng: Tôi đã trả 4 tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng x 6%/tháng x 4 tháng = 6.200.000 đồng (do viết nhầm, chứ thực ra là 7.200.000 đồng), tôi đã trả 6.000.000, còn nợ lại 200.000 đồng. Việc trả lãi thì tôi ghi vào mặt sau giấy vay tiền do bà N1 giữ.

- Ngày 25/10/2022, tôi trả lãi cho bà N1 đối với 02 khoản vay ở trên, số tiền là 55.200.000 đồng, tôi đã trả 55.000.000 đồng và nợ lại 200.000 đồng. Nên bà N1 đã viết vào mặt sau giấy vay tiền nội dung “Nhận tiền của chị D 4 tháng tiền lãi, thiếu lại 200.000 đồng”..

- Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 25/01/2023, tôi chưa có tiền trả 03 tháng tiền lãi nên bà N1 yêu cầu tôi viết giấy nợ thêm 41.400.000 đồng. Tại giấy này, tôi viết bằng tờ lịch của nhà tôi theo yêu cầu của bà N1, tôi định viết đây là tiền lãi nhưng bà D không cho nên tôi viết nợ bà N1 thêm.

- Từ ngày 06/4/2033 đến ngày 03/10/2023, tôi tiếp tục trả được tổng cộng 58.000.000 đồng là tiền lãi đối với khoản vay 200.000.000 đồng và trả 1.800.000 đồng đối với khoản vay 30.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà tôi đã trả cho bà N1 theo chứng cứ cho bà N1 cung cấp đối với cả 02 khoản vay là: 168.800.000 đồng.

Toà án cấp sơ thẩm không mời tôi tham gia tố tụng để tôi trình bày số tiền trả lãi ghi trong các giấy vay tiền mà lại xử vắng mặt tôi và tôi là người cao tuổi nhưng Toà án cấp sơ thẩm buộc tôi phải chịu án phí là không đúng.

*** *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Phan Ngọc N2 trình bày:***

Toàn bộ số tiền mà bị đơn đã trả nợ lãi cho nguyên đơn đều được bị đơn hoặc nguyên đơn ghi vào mặt sau của giấy vay tiền ban đầu. Quá trình vay, trả, ghi chép giấy này đều cho nguyên đơn cất giữ. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện rất nhiều lần bị đơn đã trả lãi nhưng nguyên đơn không khai báo, Toà án cấp sơ thẩm không kiểm tra, đánh giá chứng cứ mà buộc bị đơn phải trả cả gốc và lãi một lần nữa là chưa phù hợp, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đối với số tiền lãi là 168.800.000 đồng mà bị đơn đã trả thì đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xem xét lại mức lãi suất và khấu trừ số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn.

*** *Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2025/DS-ST ngày 25/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắc Lắc đã quyết định:***

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1

Buộc bà Trần Thị D phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 tổng số tiền nợ gốc và lãi là 340.722.000 đồng. (Trong đó nợ gốc là 271.400.000 đồng và 69.322.000 đồng tiền lãi)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà Nguyễn Thị N1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB221922 do UBND huyện Buôn Đôn cấp ngày 30/8/2010 cho bà Trần Thị D.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2025, bị đơn bà Trần Thị D kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét huỷ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N1.
- Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2025/DS-ST ngày 25/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk và giao hồ sơ lại cho Toà án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị D đã được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 11/7/2025, Toà án nhân dân khu vực 1 ban hành Quyết định đưa vụ án

ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS và đã tổng đạt thành công quyết định trên cho nguyên đơn bà N1 qua dịch vụ bưu chính. Tuy nhiên, không có tài liệu nào thể hiện Toà án cấp sơ thẩm đã tổng đạt quyết định trên cho bị đơn bà D.

Tại phiên toà sơ thẩm lần thứ nhất ngày 31/7/2025, do bị đơn bà D vắng mặt nên Toà án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định hoãn phiên toà số 38/2025/QĐST-DS cùng ngày, theo đó thời gian mở lại phiên toà sơ thẩm được tiến hành vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/8/2025. Quyết định này đã được tổng đạt thành công cho bà D thông qua Văn phòng thừa phát lại Đắc Lắc.

Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm ngày 25/8/2025, bà D tiếp tục vắng mặt. Như vậy, bà D chỉ được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà sơ thẩm 01 lần nhưng Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt bà D vào ngày 25/8/2025 là không đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, xét các giấy vay nợ cho nguyên đơn bà N1 cung cấp thì thấy tại trang 2, 3 và 4 của giấy vay nợ ngày 25/6/2022 (bút lục số 35, 36) có các chữ viết có nội dung: *“25/10/2022 đã nhận tiền của bà D 4 tháng tiền lãi thiếu lại 200,000”, “6/4/23 D trả lãi: 10.000.000đ (mười triệu đồng) (1 tháng tiền lãi:(200.000.000đ)”*,... nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của bà N1, bà D cũng như chưa tiến hành đối chất giữa các bên đương sự để làm rõ tình tiết nêu trên. Đồng thời, trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, bị đơn bà D cũng trình bày do bà chỉ được nhận văn bản của Toà án 01 lần trong lúc bà đang bị ốm đau nên chưa thể tham gia phiên toà để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Tại phiên toà phúc thẩm, bà D cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho rằng đã trả hết các khoản nợ cho bà N1, tương ứng với các nội dung ghi tại mặt sau của giấy vay nợ ngày 25/6/2022. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn mà Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục, sửa chữa được.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị D là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bị đơn bà Trần Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N1.

Tuyên xử:

[1] Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2025/DS-ST ngày 25/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

[2] Giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT-TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- VKND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Thông Kbuôr